

Bản án số: 72/2017/HSPT
Ngày: 21 – 11 – 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thuý Hồng

Ông Nguyễn Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 89/2017/TLPT-HS ngày 11/10/2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn Q1 và bị cáo Nguyễn Phú Q2, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2017/HSST, ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1/ Bị cáo Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1971; nơi cư trú: Phường F, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Chạy xe mô tô khách; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị S; anh, chị, em ruột có 04 người (lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1977); có vợ là Kim X (đã chết) và có 03 người con (lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2006); tiền sự: Không. Tiền án: 01 lần, vào ngày 01/02/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong bản án ngày 20/7/2016.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2/ Bị cáo Nguyễn Phú Q2, sinh năm 1978; nơi cư trú: Phường G, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Chạy xe mô tô khách; trình độ học vấn: 01/12; con ông Nguyễn Công D và bà Đặng Thị B; anh, chị, em ruột có 05 người (lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1986); có vợ là Cao Kim M, sinh năm 1986 đã ly hôn và có 02 người con (lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2002); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Ngoài ra còn có 02 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

- Những người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:

- Người bị hại:

1/ Anh Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1990; trú tại: Ấp PH, xã HP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

2/ Anh Nguyễn Hồ L, sinh năm 1972; trú tại: Ấp TT, xã TH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- Ngoài ra còn có 02 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 02 giờ 30 phút ngày 19/11/2016, Phạm Hoàng B điều khiển xe mô tô (chưa rõ biển số) chở Nguyễn D còn Nguyễn Phú Q2 điều khiển xe mô tô mang biển số 64G1-174.38 chở Nguyễn Văn Q1 đi trên Quốc lộ 1A hướng Cần Thơ – Vĩnh Long đang trên đường đi chơi về. Khi đến đoạn đường trước cổng Khu công nghiệp Hòa Phú thì D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài nên D kêu B và Q2 dừng xe tại đây để đi bộ vào khu vực Khu công nghiệp Hòa Phú tìm tài sản trộm cắp.

Biết được ý định của D nên Q1 cùng D đi vào trong Khu công nghiệp Hòa Phú, còn Q2 và B ở ngoài đợi. Khi D và Q1 đến quán ăn Y thuộc ấp PH, xã HP, huyện LH thấy quán không đóng cửa và người trong quán đã ngủ say nên D đi vào trong quán lấy trộm 01 xe mô tô Airblade biển kiểm soát 64B1 – 404.29 của anh Huỳnh Ngọc T (*người bị hại*) dẫn ra ngoài rồi cùng Q1 dẫn xe ra chỗ Q2 và B đang đợi thì tất cả cùng lên xe chạy đi. Do xe 64B1 – 404.29 vừa trộm được không có chìa khóa nên Q1 ngồi trên xe này, còn Q2 vừa điều khiển xe 64G1 – 174.38 vừa dùng chân đẩy xe 64B1 – 404.29 đi về hướng Long Hồ.

Trên đường đi D và B gặp xe ô tô taxi Mai Linh (loại xe 07 chỗ) do anh Nguyễn Tấn Đ, sinh 1991, ngụ ấp TH1, xã TH2, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long điều khiển nên thuê xe của anh Đ để chở xe 64B1 – 404.29 vừa trộm được đem đi tiêu thụ. Anh Đ không biết xe này do trộm cắp mà có nên đồng ý chở thuê. Sau đó, tất cả đưa xe 64B1 – 404.29 lên xe taxi rồi D và B ngồi trên xe taxi đi đến nhà Nguyễn Văn P ở ấp R, xã MY, huyện BL, tỉnh Long An. Tại đây, D và B kêu bán xe 64B1-404.29 cho Nguyễn Văn P với giá 10.000.000 đồng, do xe không có chìa khóa và không có giấy tờ nên Nguyễn Văn P biết xe 64B1-404.29 do trộm cắp mà có nên chỉ mua với giá 5.700.000 đồng để sử dụng làm phương tiện đi lại.

Sau đó D trả tiền thuê xe taxi 1.700.000 đồng, chia cho Q1 và Q2 mỗi người 800.000 đồng, còn lại D và B chia nhau tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 03/12/2017, D tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Vĩnh Long thì bị Công an thành phố Vĩnh Long phát hiện bắt giữ. Trong quá trình điều tra D, Q1, Q2 và P đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, hiện tài sản đã thu hồi trả lại cho người bị hại.

Ngoài ra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Hồ còn chứng minh được vào khoảng 01 giờ ngày 12/11/2016, Nguyễn D cùng đồng bọn đã thực hiện vụ trộm cắp cây Mai vàng bề hoành 35cm, cao 65cm của anh Nguyễn Hồ L (*người bị hại*) rồi đem đến nhà bà Nguyễn Thúy P, sinh năm 1964, thuộc ấp V, xã PL, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long để bán, bà Nguyễn Thúy P không biết cây Mai này do trộm cắp mà có nên đã mua với giá 3.000.000 đồng, hiện tài sản đã thu hồi trả lại bị hại. Vụ trộm cây Mai này D khai nhận cùng thực hiện với Q1, Q2 và Phạm Hoàng B nhưng Q1 và Q2 không thừa nhận cùng D thực hiện, còn Phạm Hoàng B chưa làm việc được nên chưa xử lý đối với Q1, Q2 và Phạm Hoàng B khi nào làm việc được với Phạm Hoàng B sẽ tiếp tục điều tra xử lý sau.

Theo kết luận định giá số: 147/HĐ ngày 03/01/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Long Hồ xác định xe mô tô Airblade 64B1 – 404.29 của anh Huỳnh Ngọc T có giá trị là 28.693.000 đồng.

Theo kết luận định giá số: 10/HĐ ngày 16/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Long Hồ xác định cây Mai vàng của ông Nguyễn Hồ L có giá trị 4.700.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Tài sản bị mất trộm đã được thu hồi trả lại cho người bị hại xong nên không đặt ra xử lý.

- Về trách nhiệm dân sự: Không có người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2017/HSST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ đã Quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn D, Nguyễn Văn Q1, Nguyễn Phú Q2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; các Điều 20, 33, 53 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 và các Điều 20, 33, 53 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phú Q2 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt tù đối với bị cáo Nguyễn D, bị cáo Nguyễn Văn P; về xử lý vật chứng; về trách nhiệm dân sự; về án phí

sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bị cáo và những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ngày 18/9/2017 bị cáo Nguyễn Văn Q1 và bị cáo Nguyễn Phú Q2 có đơn kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2017/HSST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Lý do kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn Q1 và bị cáo Nguyễn Phú Q2 cùng cho rằng mức án Tòa sơ thẩm tuyên 01 năm 06 tháng tù đối với bị cáo Q1 và 01 năm tù đối với bị cáo Q2 là quá nặng; các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có vườn, ruộng; bản thân các bị cáo đều là lao động chính; bị cáo Q1 có 03 con nhỏ đang đi học; bị cáo Q2 có 02 con nhỏ đang đi học, vợ không nghề nghiệp; phía người bị hại không có yêu cầu gì đối với các bị cáo.

Nội dung kháng cáo: Bị cáo Q1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Q2 kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Bị cáo Nguyễn Văn Q1 vẫn giữ nguyên lý do và nội dung kháng cáo như đã nêu trên, không bổ sung chứng cứ nào mới.

- Bị cáo Nguyễn Phú Q2 thay đổi yêu cầu kháng cáo, bị cáo không kháng cáo xin hưởng án treo mà chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, ngoài ra không bổ sung chứng cứ nào mới.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Tòa cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Q1 và bị cáo Nguyễn Phú Q2 phạm tội: Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 là đúng người, đúng tội, không oan, sai. Đồng thời khi quyết định hình phạt Tòa sơ thẩm đã có xem xét cho bị cáo Q1 và bị cáo Q2 hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, mặc dù Tòa sơ thẩm có nhận định cho bị cáo Q1 và bị cáo Q2 hưởng tình tiết giảm nhẹ là gia đình bị cáo có công với Cách mạng theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự nhưng khi quyết định hình phạt Tòa sơ thẩm không cho bị cáo Q1 và bị cáo Q2 hưởng tình tiết giảm nhẹ này, song việc có cho bị cáo Q1 và bị cáo Q2 hưởng tình tiết giảm nhẹ này thì cũng không làm thay đổi mức hình phạt, bởi bị cáo Q1 có tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, bị cáo Q2 có nhân thân xấu năm 2006 phạm tội: Trộm cắp tài sản bị Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Long (nay là thành phố Vĩnh Long) tỉnh Vĩnh Long xử phạt 02 (hai) năm tù; năm 2010 phạm tội: Trộm cắp tài sản bị Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xử phạt 09 (chín) tháng tù; năm 2012 phạm tội: Trộm cắp tài sản bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phúc thẩm phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Cho nên mức hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù và mức hình phạt 01 (một) năm tù mà Tòa sơ thẩm đã tuyên là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ nào mới để có căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo giữ nguyên án sơ thẩm.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Các bị cáo không có tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.
- Lời nói sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Ngày 11/9/2017 bị cáo Nguyễn D có đơn kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2017/HSST ngày 06/9/2017 của Toà án nhân dân huyện Long Hồ, nội dung kháng cáo: Xin giảm nhẹ hình phạt. Đến ngày 23/10/2017 bị cáo Nguyễn D có đơn xin rút đơn kháng cáo. Nền căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003 thì phần kháng cáo của bị cáo D đã rút coi như không có kháng cáo.

[2] Về Nội dung:

[2.1] Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Văn Q1 và Nguyễn Phú Q2 tại phiên toà phúc thẩm phù hợp với biên bản sự việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản, lời khai của người bị hại, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Có đủ căn cứ để xác định: Vào khoảng 02 giờ 30 phút ngày 19/11/2016, tại ấp PH, xã HP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long, Nguyễn D cùng Nguyễn Phú Q2 và Nguyễn Văn Q1 lấy trộm xe mô tô hiệu Arblade biển số 64B1 – 404.29 của anh Huỳnh Ngọc T trị giá 28.693.000 đồng. Vì thế, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo D, Q1, Q2 phạm tội: *Trộm cắp tài sản* và xử các bị cáo theo khoản 1, Điều 138 của Bộ luật Hình sự với mức án 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đối với bị cáo Q1 và 01 (một) năm tù đối với bị cáo Q2 là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo; đúng người, đúng tội; không oan, sai.

Bởi, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, các bị cáo muốn có tài sản để tiêu xài cá nhân nhưng lại không lo lao động để có thu nhập một cách hợp pháp mà tìm sơ hở của người khác để chiếm đoạt tài sản của họ làm của riêng mình, gây mất ổn định trật tự xã hội tại địa phương, đi ngược lại chủ trương của Đảng và Nhà nước về cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, nên cần phải xử phạt tương xứng mới đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

[2.2] Xét, khi quyết định hình phạt Tòa sơ thẩm đã có xem xét cho bị cáo Q1 và bị cáo Q2 hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, mặc dù Toà sơ thẩm có nhận định cho bị cáo Q1 và bị cáo Q2 hưởng tình tiết giảm nhẹ là gia đình bị cáo có công với Cách mạng theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự nhưng khi quyết định hình phạt Toà sơ thẩm không cho bị cáo Q1 và bị cáo Q2 hưởng tình tiết giảm nhẹ này nên cấp phúc thẩm cần bổ sung, song việc có cho bị cáo Q1 và bị

cáo Q2 hưởng tình tiết giảm nhẹ này thì cũng không làm thay đổi mức hình phạt, bởi bị cáo Q1 có tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, bị cáo Q2 có nhân thân xấu năm 2006 phạm tội: Trộm cắp tài sản bị Toà án nhân dân thị xã Vĩnh Long (nay là thành phố Vĩnh Long) tỉnh Vĩnh Long xử phạt 02 (hai) năm tù; năm 2010 phạm tội: Trộm cắp tài sản bị Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xử phạt 09 (chín) tháng tù; năm 2012 phạm tội: Trộm cắp tài sản bị Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phúc thẩm phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Và trong vụ án này, mức hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù và mức hình phạt 01 (một) năm tù mà Toà sơ thẩm đã tuyên là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ nào mới để có căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Nên để góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm, ổn định tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giữ nguyên án sơ thẩm về phần có kháng cáo.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Q1 và bị cáo Q2 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về hình phạt tù đối với bị cáo Nguyễn D, bị cáo Nguyễn Văn P; về xử lý vật chứng; về trách nhiệm dân sự; về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Q1 và Nguyễn Phú Q2, giữ nguyên án sơ thẩm.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Q1 và Nguyễn Phú Q2 phạm tội: Trộm cắp tài sản.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; các Điều 20, 33, 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 20, 33, 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phú Q2 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí và lệ phí. Bị cáo Nguyễn Văn Q1 và bị cáo Nguyễn Phú Q2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về hình phạt tù đối với bị cáo Nguyễn D, bị cáo Nguyễn Văn P; về xử lý vật chứng; về trách nhiệm dân sự; về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC. Tại TP.HCM;
- VKSND T.VL;
- TAND, Chi cục THADS H.Long Hồ;
- PTMTH, Trại tạm giam CA.TVL;
- Sở Tư pháp T.VL ;
- UBND Phường G và Phường F, TP VL;
- Các bị cáo; Đương sự;
- Lưu THS; Tổ HC-TP; Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn TỬ